

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 7 - 2018.
V/V “Kiện ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lan A, sinh năm 1993.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 9, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ: Số nhà 74, đường N, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Trương Minh Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 9, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt chị Lan A và anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, bị đơn có quan điểm:

Chị Phạm Thị Lan A và anh Trương Minh Q lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trương Minh Q thường xuyên rượu chè, không tự lập, sống dựa dẫm quá nhiều vào bố mẹ nên vợ chồng đã ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh Q bỏ

về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị Phạm Thị Lan A xét thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là Trương Diệu L (con gái), sinh ngày 12/7/2012. Khi ly hôn chị Lan A xin được nuôi con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Anh Q, có quan điểm con chung ai nuôi cũng được nếu cô Lan A nuôi con thì anh có trách nhiệm quan tâm đến con như đóng tiền học và mua sắm đồ dùng vật dụng cho con chứ không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Lan A nếu chị Lan A không nuôi con thì anh nuôi, không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lan A, anh Q thống nhất thỏa thuận vợ chồng không có con nuôi, con riêng, hiện chị Lan A không có thai nghén.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp: chị Lan A, anh Q thống nhất thỏa thuận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa: chị Phạm Thị Lan A vẫn giữ nguyên quan điểm khi ly hôn xin nuôi con chung là Trương Diệu L, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/ tháng. Anh Q có quan điểm xin nuôi con chung và không đề nghị chị Lan A cấp dưỡng nuôi con. Con nuôi, con riêng, tài sản, công nợ, các khoản nghĩa vụ chung khác, các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 và Điều 207; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Lan A và Trương Minh Q. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Lan A và anh Trương Minh Q.

2/ Về con chung: Giao cháu Trương Diệu L cho chị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 800.000đ/ tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

3/ Về con nuôi, con riêng, tài sản, công nợ: chị Lan A và anh Q thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4/ Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Lan A và anh Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng anh Q phải nộp theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Lan A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Lan A và anh Trương Minh Q là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2012 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Lan A, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn chị Lan A và anh Q chung sống được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q thường xuyên rượu chè, không tự lập mà sống dựa dẫm vào gia đình, chị Lan A có khuyến bảo thì vợ chồng xảy ra xô sát và đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay là có thật được đôi bên thừa nhận. Nay chị Lan A xin ly hôn, anh Q xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn tình cảm nên đồng ý thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lan A và anh Q đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung đã hoàn toàn chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lan A và anh Q theo quy định tại các Điều 54, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là đúng thực tế và phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là Trương Diệu L, (con gái) sinh ngày 12/7/2012, khi ly hôn chị Lan A xin được nuôi con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q xin nuôi con chung và không đề nghị chị Lan A

cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị Lan A đang làm nhân viên kinh doanh và làm nhân viên tư vấn bảo hiểm cho Công ty TNHH M Việt Nam thu nhập bình quân khoảng 18.000.000đ/tháng. Anh Trương Minh Q làm công việc cùng gia đình thu nhập không ổn định. Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con chung của chị Lan A và anh Q đều chính đáng; cháu Trương Diệu L chuẩn bị vào lớp một rất cần sự uốn nắn, dạy bảo và chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Trương Diệu L cho chị Lan A nuôi dưỡng là phù hợp.

Khi nuôi con chị Lan A đề nghị anh Q cấp dưỡng là 1.500.000đ/ tháng. HĐXX xét thấy với mức thu nhập không ổn định của anh Q thì chấp nhận mức 800.000đ/ tháng là phù hợp.

Con nuôi, con riêng chị Lan A và anh Q thống nhất vợ chồng không có con nuôi, con riêng, hiện chị Lan A không có thai nghén nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, riêng, công nợ và công sức đóng góp: chị Lan A và anh Q thống nhất thỏa thuận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lan A xin nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm thay cho cả phần của anh Q. Án phí cấp dưỡng, anh Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 55, 57, 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Lan A và anh Trương Minh Q.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị Lan A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trương Diệu L (con gái), sinh ngày 12/7/2012. Anh Trương Minh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lan A mỗi tháng 800.000đ kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

3/ Về tài sản chung riêng, công nợ và công sức đóng góp: Chị Phạm Thị Lan A và anh Trương Minh Q không đề nghị giải quyết.

4/ Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Phạm Thị Lan A và anh Trương Minh Q mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lan A nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lan A được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000895 ngày 16/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Án phí cấp dưỡng: anh Trương Minh Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm chị Lan A và anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Duy

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

	Hội đồng xét xử sơ thẩm	
Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa